

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-PT

Ngày 29/12/2017

*“V/v: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Biều

Bà Vũ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Bà Hoàng Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2017/HNGĐ-PT ngày 13/11/2017 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do bản án bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 180/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1970.

Đăng ký HKTT: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn B, sinh năm 1966, cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1936, cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

4. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị S và anh Trần Văn B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y ngày 03/11/2003. Vợ chồng có 2 con chung sinh

năm 2004 và năm 2006. Quá trình vợ chồng chung sống nảy sinh mâu thuẫn đến tháng 8/2016 thì ly thân. Chị S có đơn xin ly hôn, anh B đồng ý. Các bên đề nghị Tòa án giải quyết nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh B trình bày vợ chồng có 01 ngôi nhà xây 2 tầng diện tích 121,1m² trị giá 342.665.200 đồng, được làm trên đất của ông Nguyễn Văn C là bố đẻ chị S ở thôn T, xã T, huyện Y; 01 xe mô tô BKS 89F1 -126.66 trị giá 12.000.000 đồng do chị S đang sử dụng. Anh B đề nghị Tòa án giải quyết các tài sản trên theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 180/2017/HNGĐ- ST ngày 29/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Y đã quyết định xử chị Nguyễn Thị S và anh Trần Văn B được ly hôn, giải quyết về nuôi dưỡng con chung và chia tài sản chung là chiếc xe mô tô. Đối với yêu cầu của anh B đề nghị Tòa án xác định ngôi nhà 2 tầng diện tích 121,1m² trị giá 342.665.200 đồng là tài sản chung của vợ chồng và đề nghị phân chia theo quy định của pháp luật không được chấp nhận. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 147 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh B phải chịu 8.556.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu (chia tài sản) không được Tòa án chấp nhận.

Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không có kháng cáo.

Ngày 12/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Y có Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS về phần án phí của bản án dân sự sơ thẩm số 180/2017/HNGĐ- ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, với nhận định: Tòa án nhân dân huyện Y buộc anh B phải chịu 8.556.600 đồng tiền án phí đối với phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận (công trình nhà 2 tầng trị giá 342.665.200 đồng) là không chính xác, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, vi phạm khoản 5, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm theo hướng không buộc anh B phải chịu 8.556.600 đồng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng không được Tòa án chấp nhận.

Tại phiên tòa: Các đương sự có liên quan đến việc kháng nghị đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y. Đồng thời, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, áp dụng khoản 5 và khoản 7 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, không buộc anh B phải chịu tiền án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung nhưng không được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 180/2017/HNGĐ-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y đã giải quyết các mối quan hệ về hôn nhân, con chung và tài sản giữa chị Nguyễn Thị S và anh Trần Văn B. Sau khi xét xử sơ thẩm, các nội dung trên không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, nhận thấy:

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y đã áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (viết tắt là Nghị quyết số 326), để buộc anh B phải chịu án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung nhưng không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không viện dẫn cụ thể về việc áp dụng điểm, khoản nào của Điều 27 Nghị quyết số 326 để xác định nghĩa vụ chịu án phí của đương sự là chưa rõ ràng, chưa có cơ sở pháp lý chắc chắn.

Điểm b khoản 5 Điều 27 quy định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình như sau: *Các đương sự trong vụ án hôn nhân và gia đình có tranh chấp về việc chia tài sản chung của vợ chồng thì ngoài việc chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết này, còn phải chịu án phí đối với phần tài sản có tranh chấp như đối với vụ án dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia.*

Theo quy định trên đương sự trong vụ án hôn nhân và gia đình chỉ phải chịu án phí tương ứng đối với phần tài sản mà họ được chia, còn đối với phần tài sản mà đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không được Tòa án chấp nhận thì không phải chịu án phí.

Tại khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326 quy định: *Bị đơn có yêu cầu phản tố phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần yêu cầu phản tố của bị đơn được Tòa án chấp nhận.*

Theo quy định trên thì trường hợp anh B là bị đơn có yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận thì phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngược lại nếu yêu cầu phản tố của anh B được Tòa án chấp nhận và tài sản anh B yêu cầu Tòa án giải quyết được xác định là tài sản chung của vợ chồng và đem ra phân chia theo chế độ chia tài sản chung của vợ chồng, thì lúc này nghĩa vụ chịu án phí lại được áp dụng theo điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326, chứ không buộc chị S phải chịu toàn bộ án phí đối với yêu cầu phản tố của anh B được Tòa án chấp nhận theo đoạn 2 khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết 326. Như vậy, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 là điều khoản quy định riêng biệt về án phí trong vụ án hôn nhân và gia đình nên mọi yêu cầu của đương sự về chia tài sản trong vụ án hôn nhân và gia đình phải áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh B phải chịu án phí đối với yêu cầu chia tài sản không được Tòa án chấp nhận là không đúng pháp luật. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhận định Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326 là có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp phúc thẩm sẽ sửa lại bản án sơ thẩm về phần án phí theo hướng kháng nghị của Viện kiểm sát.

[3] Kháng nghị của Viện kiểm sát còn nhận định Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326. Về nội dung này, nhận thấy: khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326 quy định về nghĩa vụ chịu án phí đối với vụ án liên quan đến chia tài sản chung, di sản thừa kế. Tuy nhiên, đây là vụ án hôn nhân và gia đình nên nghĩa vụ chịu án phí được quy định riêng tại khoản 5 Điều 27 như đã phân tích ở trên. Do đó, Viện kiểm sát cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326 là không đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y; sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 180/2017/HNGĐ- ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y như sau:

Về án phí: Anh Trần Văn B không phải chịu 8.856.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng không được Tòa án chấp nhận.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân huyện Y;
- Cục thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Quốc Huy

